

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 03/7/2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Lực;
2. Bà Đặng Thị Hương Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Xiêm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 03/7/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2017/TLST-DS ngày 21/12/2017 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-DS ngày 28/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Minh L, sinh năm: 1984;

Anh Nguyễn Hữu Tr, sinh năm: 1980 (chồng chị L);

Đều trú tại: Khu 2, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh G, sinh năm: 1990;

Chị Phan Dương Thanh V, sinh năm: 1991 (vợ anh G);

Đều tạm trú tại: Khu 9, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

3. Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị V1 (mẹ đẻ anh G);

Hiện tạm trú tại: Khu 9, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Mai Thị Minh L và anh Nguyễn Hữu Tr trình bày: Từ năm 2015 đến năm 2017, vợ chồng anh chị đã bán cám cho anh Nguyễn Anh G ở khu 9, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ để anh G chăn nuôi lợn. Khi bán hai bên có ký

nhận vào sổ ghi nợ và thỏa thuận với nhau khi nào anh G bán được lợn thì trả tiền cám cho vợ chồng anh chị, do vợ chồng anh G ở cùng bà Nguyễn Thị V1 (mẹ đẻ anh G) nên thỉnh thoảng bà V1 có nhận cám thay cho anh G. Từ năm 2016 đến nay, anh G còn nợ vợ chồng anh chị số tiền là 84.070.000đ (Tám mươi tư triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Anh chị đã đòi nhiều lần và anh G cũng đã nhiều lần bán lợn nhưng không chịu trả số tiền này cho anh chị. Nay, chị L, anh Tr đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao buộc anh G và vợ anh G là chị Phan Dương Thanh V phải trả đủ toàn bộ số tiền mua cám còn nợ lại là 84.070.000đ (Tám mươi tư triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) cho vợ chồng anh chị và không yêu cầu anh G, chị V phải chịu lãi. Tuy nhiên trong quá trình hòa giải, chị L và anh Tr thống nhất số tiền anh G, chị V còn nợ anh chị hiện nay là 79.685.000đ (Bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Anh chị đề nghị Tòa buộc anh G, chị V phải trả một lần toàn bộ số tiền này cho anh chị ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật đồng thời anh chị cũng xác định bà V1 (mẹ anh G) chỉ nhận hộ cám chứ không có liên quan gì đến số tiền cám anh G, chị V còn nợ anh chị.

Bị đơn, anh Nguyễn Anh G có quan điểm: Anh nhất trí với lời trình bày của chị L và anh Tr về thời gian anh mua cám, nhận cám của chị L, anh Tr cũng như thỏa thuận bán được lợn thì sẽ trả tiền mua cám. Tuy nhiên anh G cho rằng từ tháng 11/2016 đến tháng 6/2017 do giá lợn sụt giảm nên anh Tr, chị L đã ngừng cung cấp cám cho anh dẫn đến đàn lợn anh nuôi bị ốm và chết vì vậy anh đã phải nợ vợ chồng anh Tr, chị L số tiền mua cám. Nay anh Tr, chị L đòi anh phải trả số tiền mua cám còn nợ là 84.070.000đ (Tám mươi tư triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) thì anh không đồng ý vì anh cho rằng anh và chị L đã chốt số tiền anh còn nợ là 79.685.000đ (Bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Anh xác định do anh và vợ (chị Phan Dương Thanh V) hiện sống chung cùng mẹ đẻ của anh (bà Nguyễn Thị V1) nên việc bà V1 thỉnh thoảng nhận cám và ký nhận vào sổ là có thật, tuy nhiên do gia đình anh có kinh tế độc lập nên bà V1 không có liên quan gì đến khoản tiền còn nợ anh Tr, chị L này. Anh G thừa nhận việc anh chăn nuôi lợn là để phát triển kinh tế chung của gia đình nhưng anh lại cho rằng do vợ anh (chị Phan Dương Thanh V) có công việc và thu nhập riêng nên đây là khoản nợ riêng của anh, không liên quan gì đến vợ anh. Anh G nhất trí trả toàn bộ số nợ 79.685.000đ (Bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) cho anh Tr, chị L nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình anh hiện nay có nhiều khó khăn nên anh xin được trả dần khoản nợ, cụ thể là trả 20.000.000đ/năm (Hai mươi triệu đồng), 03 tháng sẽ trả một lần số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Chị Phan Dương Thanh V có lời khai thể hiện: Việc anh G chăn nuôi lợn và còn nợ tiền mua cám của anh Tr và chị L tổng số 79.685.000đ (Bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) là có thật. Chị V xác định đây là nợ chung của chị và anh G, do anh G phát triển kinh tế gia đình mà nợ nần nên chị nhất trí cùng anh G trả số nợ này theo đúng quan điểm anh G đã trình bày.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị V1, mẹ đẻ anh G trình bày: Gia đình bà chung sống trong cùng một mái nhà nhưng tách khẩu và kinh tế độc lập. Do anh G thỉnh thoảng đi vắng nên bà có nhận cầm hộ cho anh G và ký nhận nhưng bà không liên quan gì đến việc nợ nần của anh G và chị Vân. Nay anh Tr, chị L khởi kiện anh G, chị V bà có quan điểm: Việc vay nợ là của vợ chồng anh G, vợ chồng anh G phải có trách nhiệm trả, bà không có đề nghị gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao đã thực hiện báo gọi các đương sự đến tham gia hòa giải xong anh G, chị V và bà V1 đều không đến mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ.

Ngày 13/6/2018 vụ án được đưa ra xét xử nhưng anh Nguyễn Anh G, chị Phan Dương Thanh V và bà Nguyễn Thị V1 đều vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều vắng mặt; chị L, anh Tr đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa ngày 29/6/2018; anh G, chị V và bà V1 đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ có quan điểm:

+ Về việc tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện đúng quy định, không có mặt khi Tòa án triệu tập, gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án xong Thẩm phán đã tiến hành xác minh, tổng đạt, niêm yết đồng thời lấy ý kiến của những người liên quan theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, do đó tại phiên tòa hôm nay tuy các bị đơn và người liên quan đều vắng mặt xong căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành làm việc là đúng quy định.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu buộc anh G và chị V phải trả cho anh Tr, chị L số tiền mua cầm lợn còn nợ lại là 79.685.000đ (Bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) một lần. Tiền lãi do anh Tr, chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Anh G, chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà V1 do chỉ nhận hộ cầm nên không liên quan gì đến việc mua bán giữa anh G, chị V với anh Tr, chị L, đề nghị HĐXX không xem xét đến.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự và ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do nhu cầu kinh doanh chăn nuôi lợn để phát triển kinh tế chung gia đình, anh Nguyễn Anh G đã mua nợ cám của gia đình anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị Minh L với cam kết khi nào bán lợn sẽ trả tiền cám. Việc mua bán nợ cám giữa anh G với vợ chồng anh Tr, chị L được thể hiện tại sổ giao nhận cám giữa anh G với anh Tr, chị L. Như vậy, mặc dù không lập thành hợp đồng cụ thể song các nội dung thỏa thuận giữa anh G với anh Tr, chị L đã xác định rõ đối tượng mua bán (cám), giá cả, phương thức, thời gian thanh toán (sau khi bán được lợn) nên theo quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433 của Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn anh Nguyễn Anh G và chị Phan Dương Thanh V có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại khu 9, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[3]. Về trình tự tố tụng: Ngay sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã tiến hành các biện pháp xác minh, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, lấy lời khai đương sự đồng thời niêm yết theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4]. Xét yêu cầu buộc anh Nguyễn Anh G và chị Phan Dương Thanh V phải trả một lần số tiền 79.685.000đ (Bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) của anh Nguyễn Hữu Tr và chị Nguyễn Thị Minh L là có căn cứ, cần được chấp nhận bởi lẽ:

[4.1]. Như đã phân tích ở mục [1], đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” giữa bên mua là anh Nguyễn Anh G với bên bán là vợ chồng anh Nguyễn Hữu Tr, chị Nguyễn Thị Minh L cùng tài sản giao dịch là cám chăn nuôi lợn, hai bên cam kết khi anh G bán lợn sẽ trả tiền mua cám cho anh Tr, chị L. Xét thấy, giữa các bên đã phát sinh nghĩa vụ giao tài sản và nghĩa vụ trả tiền vì vậy việc anh G bán được lợn nhưng không trả tiền mua cám cho anh Tr, chị L là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015. Do anh Nguyễn Anh G và chị Phan Dương Thanh V là vợ chồng, việc anh G lấy nợ cám được anh G và chị V thừa nhận là để phát triển kinh tế chung của gia đình nên số tiền cám 79.685.000đ (Bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) anh G chưa trả cho anh Tr, chị L cần xác định là nợ chung của vợ chồng anh Nguyễn Anh G và chị Phan Dương Thanh V đồng thời buộc anh G, chị V cùng có trách nhiệm trả số tiền còn nợ này cho anh Tr, chị L theo quy định.

[4.2]. Tại bản tự khai anh G, chị Vân có quan điểm xin được trả nợ dần cho anh Tr, chị L nhưng quá trình hòa giải và xét xử anh G, chị V đều vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên không có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh G và chị V do đó cần buộc chị V và anh G phải trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ cho anh Tr và chị L là phù hợp.

[4.3]. Anh Tr và chị L không yêu cầu anh G và chị V phải chịu lãi đối với số tiền còn nợ này do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4.4]. Bà Nguyễn Thị V1 (mẹ đẻ anh G) có ký nhận cầm một vài lần nhưng anh G, chị V và bà V1 đều xác định bà V1 có kinh tế độc lập với gia đình anh G, chị V; việc bà V1 ký nhận cầm là do anh G đi vắng nên bà V1 nhận hộ anh G nên Hội đồng xét xử xác định bà V1 không có liên quan gì đến số tiền cầm anh G, chị V còn nợ anh Tr, chị L là phù hợp.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Anh G và chị Phan Dương Thanh V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Mai Thị Minh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Anh Nguyễn Hữu Tr và chị Mai Thị Minh L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Anh G, chị Phan Dương Thanh V và bà Nguyễn Thị V1 vắng mặt nhưng đã được tổng đạt hợp lệ; theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Minh L và anh Nguyễn Hữu Tr.

[2]. Buộc anh Nguyễn Anh G và chị Phan Dương Thanh V phải trả cho chị Mai Thị Minh L và anh Nguyễn Hữu Tr số tiền 79.685.000đ (Bảy mươi chín triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Mai Thị Minh L và anh Nguyễn Hữu Tr có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Anh G và chị Phan Dương Thanh V chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị Mai Thị Minh L và anh Nguyễn Hữu Tr thì anh Nguyễn Anh G và chị Phan Dương Thanh V còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[3.1]. Anh Nguyễn Anh G và chị Phan Dương Thanh V phải chịu 3.984.250 đồng (Ba triệu chín trăm tám mươi tư nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2]. Chị Mai Thị Minh L và anh Nguyễn Hữu Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Mai Thị Minh L và anh Nguyễn Hữu Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000151 ngày 20/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[4]. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Các đương sự;
- UBND xã X, huyện L (niêm yết);
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

